| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KIÊN LƯƠNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **63**/2022/DS-ST
Ngày: 31/5/2022
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi và vay tài sản "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thuỷ**

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Bà **Trần Thị Như Quỳnh**

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Ý** là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên lương tham gia phiên tòa****: Bà* **Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-Ds ngày 13/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị KD**, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố XN, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG.

*Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1971, có mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Chi L**, sinh năm 1971, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 17, Khu phố XN, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2022 và các lời khai tại toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị KD trình bày:* Bà Nguyễn Thị Ng có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ hụi cụ thể như sau:

1/ Dây hụi 05 ngày, loại hụi 1.000.000đ, sổ vào ngày 15/5/2019 âm lịch, mãn ngày 05/4/2020 âm lịch, tổng cộng có 71 chân, bà Ng tham gia 01 chân, dây hụi mở

lần đầu thì bà Ng hốt, bà đóng hụi đến ngày 05/3/2020 âm lịch khi dây hụi sổ đến lần 59 thì bà ngưng không đóng nữa, số tiền còn lại bà phải đóng bằng một chân hụi chết đến cuối kỳ là 71 chân – 59 chân = 12 chân x 1.000.000đ = 12.000.000đ.

2/ Dây hụi 05 ngày, loại hụi 2.000.000đ, sổ vào ngày 20/6/2019 âm lịch, mãn ngày 20/4/2020 âm lịch, tổng cộng có 61 chân, bà Ng tham gia 01 chân, dây hụi mở lần đầu thì bà Ng hốt, bà đóng hụi đến ngày 05/3/2020 âm lịch khi dây hụi sổ đến lần 52 thì bà ngưng không đóng nữa, số tiền còn lại bà phải đóng là 61 chân – 52 chân = 09 chân x 2.000.000đ = 18.000.000đ.

3/ Dây hụi 05 ngày, loại hụi 2.000.000đ, sổ vào ngày 20/6/2019 âm lịch, mãn ngày 25/4/2020 âm lịch, tổng cộng có 62 chân, bà Ng tham gia 01 chân, dây hụi mở lần đầu thì bà Ng hốt, bà đóng hụi đến ngày 05/3/2020 âm lịch khi dây hụi sổ đến lần 52 thì bà ngưng không đóng nữa, số tiền còn lại bà phải đóng là 62 chân – 52 chân = 10 chân x 2.000.000đ = 20.000.000đ.

4/ Dây hụi 05 ngày, loại hụi 2.000.000đ, sổ vào ngày 16/11/2019 âm lịch, mãn ngày 25/10/2020 âm lịch, tổng cộng có 75 chân, bà Ng tham gia 01 chân, dây hụi mở lần đầu thì bà Ng hốt, bà đóng hụi đến ngày 05/3/2020 âm lịch khi dây hụi sổ đến lần 23 thì bà ngưng không đóng nữa, số tiền còn lại bà phải đóng là 75 chân – 23 chân = 52 chân x 2.000.000đ = 104.000.000đ.

5/ Dây hụi 05 ngày, loại hụi 2.000.000đ, sổ vào ngày 21/11/2019 âm lịch, mãn ngày 05/11/2020 âm lịch, tổng cộng có 76 chân, bà Ng tham gia 01 chân, dây hụi mở lần đầu thì bà Ng hốt, bà đóng hụi đến ngày 05/3/2020 âm lịch khi dây hụi sổ đến lần 22 thì bà ngưng không đóng nữa, số tiền còn lại bà phải đóng là 76 chân – 22 chân = 54 chân x 2.000.000đ = 108.000.000đ.

6/ Dây hụi ngày, sổ vào ngày 17/02/2020 âm lịch, tổng cộng có 200 chân, mỗi chân là 12.000đ, 01 ngày đóng 2.400.000đ, đóng 100 ngày là mãn hụi, bà Ng hốt đầu tiên, bà Ng đóng hụi đến ngày 06/3/2020 âm lịch khi dây huị sổ vào ngày 20 thì ngưng không đóng nữa, số tiền bà Ng còn phải đóng là 80 ngày x 2.400.000đ = 192.000.000đ.

7/ Dây hụi ngày, sổ vào ngày 09/01/2020 âm lịch, tổng cộng có 100 chân, mỗi chân là 12.000đ, 01 ngày đóng 1.200.000đ, đóng 100 ngày là mãn hụi, bà Ng hốt đầu tiên, bà Ng đóng hụi đến ngày 06/3/2020 âm lịch khi dây huị sổ vào ngày 57 thì ngưng không đóng nữa, số tiền bà Ng còn phải đóng là 43 ngày x 1.200.000đ = 51.600.000đ.

8/ Dây hụi ngày, sổ vào ngày 27/12/2019 âm lịch, tổng cộng có 100 chân, mỗi chân là 12.000đ, 01 ngày đóng 1.200.000đ, bà Ng hốt đầu tiên, bà Ng đóng hụi đến ngày 06/3/2020 âm lịch khi dây huị sổ vào ngày 64 thì ngưng không đóng nữa, số tiền bà Ng còn phải đóng là 36 ngày x 1.200.000đ = 43.200.000đ.

Ngoài ra, bà Ng còn vay bà số tiền 100.000.000đ, bà Ng đóng lãi mỗi ngày 200.000đ đóng lãi được 80 ngày thì ngưng không đóng nữa.

Tổng tiền hụi và tiền vay bà Ng nợ bà là 648.800.000đ. Từ ngày 26/4/2020 đến ngày 10/11/2021 bà Ng trả cho bà được số tiền 153.800.000đ nên còn nợ lại 495.000.000đ và bà yêu cầu tính lãi từ ngày 29/3/2020 cho đến nay.

Sau đó bà Ng có trả cho bà thêm 5.000.000đ, đến nay số tiền bà Ng còn nợ bà là 490.000.000đ, bà yêu cầu bà Ng cùng ông L trả hết cho bà số tiền này và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 29/3/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải ngày 29/3/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:*

Về số tiền nợ bà D, bà thừa nhận có nợ nhưng do công việc làm ăn không được suôn sẻ nên bà không thể làm tròn bổn phận trả đúng nợ theo quy định. Tuy nhiên thời điểm làm giấy xác nhận nợ, bà có xin bà D thỏa thuận cho bà được trả theo khả năng của bà kể từ ngày 04/4/2020 cho đến ngày 19/01/2022 (âm lịch là ngày 19/02/2022 dương lịch thì tổng số tiền bà còn nợ bà D là 490.000.000 đồng.

Trong số tiền 490.000.000 đồng này có 100.000.000 đồng là tiền vay đóng lãi mỗi ngày 200.000 đồng đóng được 80 ngày thì ngưng xin trả gốc, nhưng chưa trả được gốc.

Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi nữa.

Tại phiên toà bà trình bày: Việc chơi hụi của bà với bà D là do bà tự chơi không liên quan đến chồng bà nên ông L không biết việc này. Số tiền bà hốt hụi dùng vào mục đích buôn bán để sinh lời lo cuộc sống gia đình.

Toà án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Chi L, tuy nhiên cho đến nay ông L không đến tòa án để giải quyết nên tòa án không có lời khai của ông L.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu và đề nghị giải quyết vụ kiện như sau:*** Về tố tụng, việc tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền cũng như nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng như vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung việc kiện, do đó Tòa án đưa ra xét xử là đúng pháp luật và bị đơn được thực hiện quyền của mình khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản nợ vay là có cơ sở, bởi việc này bị đơn cũng thừa nhận nên nguyên đơn khởi kiện là đúng pháp luật. Qua đó đề nghị giải quyết buộc bị đơn, người co quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo yêu cầu, đồng thời bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo giá ngạch, hoàn trả án phí tạm nộp cho nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết thủ tục tố tụng đối với ông Nguyễn Chi L như hai lần thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, hai lần xét xử nhưng ông L không đến Tòa án để giải quyết. Tại phiên tòa ông Nguyễn Chi L vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Thẩm quyền giải quyết được quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kiên Lương. Đây là vụ kiện tranh chấp nợ phát sinh từ hợp đồng dân sự về hụi (họ) và vay tài sản nên khi có tranh chấp thì áp dụng Bộ luật dân sự giải quyết.

[3] Về nội dung vụ kiện: bà Nguyễn Thị Ng có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị KD làm chủ hụi, các dây hụi hiện đã mãn. Phía bà D đã thực hiện đúng nghĩa vụ, giao tiền hụi đầy đủ cho bà Ng nhưng sau khi lĩnh hụi bà Ng không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là đóng hụi lại cho chủ hụi, còn nợ tiền hụi là 390.000.000 đồng, ngoài ra phía Ng có hỏi vay tiền của bà D 100.000.000 đồng, tổng số tiền mà bà Ng còn nợ bà D là 490.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay phía bà D và bà Ng thống nhất số tiền nợ hụi và tiền vay là 490.000.000 đồng phía bà D không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ hụi và tiền vay, bà Ng cũng không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi của khoản tiền vay đã đóng cho bà D,do đó HĐXX không xem xét.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị KD là có cơ sở chấp nhận, bởi bà D khởi kiện có cung cấp chứng cứ chứng minh là các tờ giấy có ghi số tiền nợ, việc này bà Ng cũng thừa nhận còn nợ bà D tổng số tiền 490.000.000 đồng (trong đó tiền hụi là 390.000.000đ và tiền vay là 100.000.000 đồng) nên bà Ng có nghĩa vụ phải trả tiền cho bà D, từ đó xác định việc giao dịch hụi giữa bà D và bà Ng là có thật, do bà Ng vi phạm nghĩa vụ sau khi nhận tiền hụi không thực hiện đóng hụi chết cho bà D nên bà D khởi kiện yêu cầu bà Ng trả tiền là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật dân sự.

[4] Việc bà Ng xin trả chậm 2.000.000đ/tháng, trong khi bà D không chấp nhận, việc này là thuộc thẩm quyền xem xét của Cơ quan thi hành án sau khi án có hiệu lực pháp luật, nên không xét.

Việc bà Ng bà trình bày việc bà tham gia chơi hụi, ông L không biết. Tuy nhiên, qua xác minh bà và ông L có quan hệ là vợ chồng vẫn sống chung trong một gia đình đồng thời tại phiên tòa bà xác nhận sau khi hốt hụi bà dùng tiền vào mục đích làm ăn buôn bán để sinh lời và chăm lo cho cuộc sống của gia đình bà, nên việc giải quyết vụ kiện sẽ liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông L do vậy xác định ông L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định tại khoản 4 Điều 68 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Ng thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà D số tiền 490.000.000 đồng, theo đó buộc bà Ng và ông L trả cho bà D số tiền 490.000.000 đồng.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Chi L bị buộc trả số tiền 490.000.000đ nên phải chịu án phí theo quy định. Bà Nguyễn Thị KD được nhận lại án phí tạm nộp.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 463; Điều 471; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị KD

Xử buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Chi L có nghĩa vụ trả số tiền 188.000.000đ cho bà Nguyễn Thị KD.

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Chi L phải nộp án phí DSST là 24.500.000đ. Bà Nguyễn Thị KD nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 11.900.000đ theo lai thu số 0000140 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3/ Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2022). Ông L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bán án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa**

- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS h.Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**Nguyễn Thị Thuỷ**